TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 564/2023/QĐST-HNGĐ	*P, ngày 13 tháng 12 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 110 và 116 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 890/2023/TLST-HNGĐ ngày 04-12-2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận về nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Trần Văn H, sinh năm 1979; địa chỉ: 182/3B đường H, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Phan Thị Thu T, sinh năm 1987; địa chỉ: 89/5 đường N, phường S, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn H và bà Phan Thị Thu T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S, thành phố P, tỉnh Gia Lai ngày 31-3-2014.

Nay, ông Trần Văn H và bà Phan Thị Thu T đều nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài; họ không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc nhau trong một khoảng thời gian dài. Vì những nguyên nhân đó, ông Trần Văn H và bà Phan Thị Thu T thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Trần Văn H và bà Phan Thị Thu T có một con chung là cháu Trần Văn Gia P, sinh ngày 23-4-2014.

Bà Phan Thị Thu T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Trần Văn Gia P.

Ông Trần Văn H cấp dưỡng cho cháu Trần Văn Gia P mỗi tháng 3.000.000 đồng.

[3] Về tài sản chung và thanh toán nghĩa vụ chung: Ông Trần Văn H và bà Phan Thị Thu T không yêu cầu Tòa án giải quyết các quan hệ này.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn H và bà Phan Thị Thu T thuận tình ly hôn.

1.2. Về con: Ông Trần Văn H và bà Phan Thị Thu T có một con chung là cháu Trần Văn Gia P, sinh ngày 23-4-2014.

Tại đơn trình bày đề ngày 04-12-2023, cháu Trần Văn Gia P có nguyện vọng được ở với bà Phan Thị Thu T sau khi ông Trần Văn H và bà Phan Thị Thu T ly hôn.

Các đương sự thống nhất giao con của họ là cháu Trần Văn Gia P cho bà Phan Thị Thu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

1.3. Về cấp dưỡng cho con: Công nhận sự tự nguyện của ông Trần Văn H về việc cấp dưỡng cho cháu Trần Văn Gia P mỗi tháng 3.000.000 đồng; việc cấp dưỡng được ông Trần Văn H thực hiện từ ngày 13-12-2023 cho đến khi con thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng cho con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

1.4. Về tài sản chung và thanh toán nghĩa vụ chung: Ông Trần Văn H và bà Phan Thị Thu T không yêu cầu Tòa án giải quyết các quan hệ này.

1.5. Về lệ phí: Ông Trần Văn H và bà Phan Thị Thu T tự nguyện chịu 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm nhưng được trừ vào tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001005 ngày 04-12-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai; ông Trần Văn H và bà Phan Thị Thu T đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

2. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố P;
- Chi cục THADS thành phố P;
- UBND phường S, thành phố P (GCNKH số 23, đăng ký ngày 31-3-2014);
- Lưu VP, hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Cao Thị Thanh Huyền